

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/11

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**Kollidon® 90 F**

Sử dụng: tá dược bào chế

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống hài hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Sản phẩm có thể nổ bụi dưới các điều kiện nhất định.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer  
| Số CAS: 9003-39-8

#### Thành phần nguy hại

formic acid

Hàm lượng (W/W): > 0 % - < 1 %  
Số CAS: 64-18-6

Flam. Liq.: Cat. 3  
Acute Tox.: Cat. 3 (Hô hấp - hơi nước)  
Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)  
Skin Corr./Irrit.: Cat. 1A  
Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:  
Súc miệng sau đó uống khoảng 200-300 ml nước.

Lưu ý cho bác sĩ:  
Triệu chứng: Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến  
Những mối nguy hiểm: Không dự đoán có nguy hại.  
Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

### 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
bọt, Phun nước, bột khô

Những mối nguy hiểm cụ thể:  
những chất dạng hơi có hại, các oxit cacbon, các oxit nitơ  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy. Bụi nổ nguy hại.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:  
Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập.

Thông tin bổ sung:  
Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

### Những cảnh báo cá nhân:

Tránh bụi. Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Thông tin về phương thức bảo vệ cá nhân xem chương 8.

### Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

### Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Tránh làm phát sinh bụi.

Thông tin bổ sung: Tránh sự hình thành và tích tụ bụi - nguy cơ nổ bụi.

---

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Hướng dẫn sử dụng

Tránh bụi. Trang bị hệ thống thông thoáng hút nếu xuất hiện bụi hoá chất.

### Phòng chống cháy nổ:

Sản phẩm có thể nổ bụi. Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy. Chỉ sử dụng dụng cụ và thiết bị chống cháy nổ.

### Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Các thùng chứa nên được đóng kín ở nơi khô ráo. Bảo vệ khỏi nhiệt.

### Tính ổn định lưu trữ:

Không có nhiệt độ lưu trữ cụ thể.

---

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

### Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

formic acid, 64-18-6;

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Giá trị TWA 5 ppm (ACGIHTLV)  
Giá trị STEL 10 ppm (ACGIHTLV)  
Giá trị TWA 9 mg/m<sup>3</sup> (OEL (VN))  
Giá trị STEL 18 mg/m<sup>3</sup> (OEL (VN))

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp nếu có thể hít phải các sol khí/bụi được hình thành. Bộ lọc hạt có hiệu suất thấp đối với các hạt rắn (vd. EN 143 hay 149, Loại P1 hay FFP1)

Bảo vệ tay:

Đeo găng tay bảo vệ chống hóa chất.

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Phải chọn biện pháp bảo vệ toàn thân dựa trên mức độ hoạt tính và phơi nhiễm.

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục phù hợp khi làm việc  
Không ăn, uống, hút hay sử dụng thuốc lá ở nơi làm việc. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	bột	
Màu sắc:	Màu trắng đến màu kem	
Mùi:	gần như không mùi	
Ngưỡng mùi:	không được xác định	
Giá trị pH:	5.0 - 9.0 (nước, 10 %(m), 20 °C)	(Ph. Eur. 2.2.3)
khoảng nóng chảy:	>= 130 °C	
Điểm sôi:	Chất / sản phẩm phân hủy. Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng	
Tốc độ bay hơi:	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao	
Giới hạn nổ dưới (LEL):	50 g/m <sup>3</sup> Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	(không khí)
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
 Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Nhiệt độ tự cháy:	425 °C	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	425 °C Chất không có khả năng tự phân huỷ.	(DDK (DIN 51007))
Tự bắt cháy:	không tự cháy	
Khả năng tự gia nhiệt:	Sản phẩm có khả năng tự gia nhiệt, được phân loại theo qui định vận tải nhóm 4.2 Dựa trên các kết quả thí nghiệm, bao bì đóng gói < 3m³ được không cần phải phân loại.	(UN Test N.4 ( Những chất tự gia nhiệt))
SADT:	Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1	
Nguy cơ nổ:	Sản phẩm không có khả năng nổ, tuy nhiên bụi nổ có thể hình thành từ hỗn hợp bụi-khí.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	không cháy lan	
Áp suất hơi:	không áp dụng	
Tỷ trọng:	1.2 g/cm3 (20 °C)	
Tỷ trọng tương đối:	Không có sẵn các dữ liệu.	
Tỷ trọng thể tích/mật độ khối:	tương đương 400 - 600 kg/m3	(DIN EN ISO 60)
Tỷ trọng hơi (không khí):	Sản phẩm là chất rắn không bay hơi.	
Tính tan trong nước:	> 270 g/l (23 °C)	
Khả năng pha trộn với nước:	hoà tan	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	không được xác định	
Thông tin trên: 2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer		
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	-3.4	
-----		
Tính nhớt, động lực:	10,000 - 30,000 mPa.s (20 %(m), 23 °C)	(DIN EN ISO 2555 (RVT))

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Tránh bụi. Tránh tích tĩnh điện. Tránh các nguồn phát sinh tia lửa điện: nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hở.  
 Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Phân huỷ do nhiệt: 425 °C (DDK (DIN 51007))  
Chất không có khả năng tự phân huỷ.

Những chất cần tránh:  
Không có chất nào cần phải tránh.

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:  
Bụi nổ nguy hại.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:  
Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:  
Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:  
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
LD50chuột (miệng): > 2,000 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

#### Độ độc cấp tính khi hít phải

LC50 chuột (bằng cách hít phải): > 5.2 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)

#### Đánh giá độ độc cấp tính

Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc khi hít phải.

#### Triệu chứng

Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

#### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:  
Không kích ứng cho mắt và da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:  
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm Draize)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm Draize)

#### Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:  
Không có đột biến chất trong các cuộc nghiên cứu động vật có vú.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:  
Các nghiên cứu lâu dài trên động vật không nhận thấy bất cứ tác nhân ung thư nào khi chất được cho vào thức ăn với liều lượng cao.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:  
Không cho thấy khả năng gây độc tính sinh sản. (dựa trên thành phần hoá học).

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:  
Không chỉ số nào về tác dụng gia tăng độc tính/ gây quái thai được nhìn nhận trong các nghiên cứu trên động vật.

### **Độc độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)**

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

### **Độc độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:  
Chưa có thông tin

### **Nguy cơ khi hít vào**

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

---

## **12. Thông tin về sinh thái**

### **Độc sinh thái**

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:  
Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:  
LC50 (96 h) > 10,000 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:  
EC20 (0.5 h) > 1,995 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp (Hướng dẫn OECD 209, hiếu khí)

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Không có sẵn các dữ liệu.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

### Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):  
Loại bỏ kém khỏi nước.

Thông tin trên: 2-Pyrrolidinone, 1-ethenyl-, homopolymer

Thông tin bị đào thải:

< 10 % giảm DOC (15 d) (Hướng dẫn OECD 302 B) (hiếu khí, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp) Loại bỏ kém khỏi nước.

### Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học:

Dựa vào thuộc tính cấu trúc, polyme không có giá trị về mặt sinh học. Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

### Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:

Các dữ liệu sinh thái được xác định bởi phép loại suy.

## 13. Thông tin về thải bỏ

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Không thể xác định quy định chất thải theo danh mục chất thải Châu Âu (EWC), do phụ thuộc vào cách sử dụng.

Tuân theo các yêu cầu pháp luật quốc gia và địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì không nhiễm bẩn có thể được tái sử dụng.

Những bao bì không thể làm sạch nên thải bỏ giống phương thức xử lý bao bì nhiễm bẩn.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

Số UN hoặc số ID: UN 3088

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc: SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER)

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 4.2

Nhóm đóng gói: III



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
 Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Mối nguy hiểm về môi trường:	không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng:	Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

**Vận tải đường thủy**

IMDG

Số UN hoặc số ID: UN 3088

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:  
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER) 4.2

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: III  
 Nhóm đóng gói: không  
 Mối nguy hiểm về môi trường: Ô nhiễm hàng hải: KHÔNG  
 Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: EmS: F-A; S-J  
 Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

**Sea transport**

IMDG

UN number or ID number: UN 3088

UN proper shipping name: SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER) 4.2

Transport hazard class(es): 4.2  
 Packing group: III  
 Environmental hazards: no  
 Marine pollutant: NO  
 Special precautions for user: EmS: F-A; S-J  
 Not dangerous goods of class 4.2 in packages up to 3000 litres capacity.

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Số UN hoặc số ID: UN 3088

Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:  
 SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER) 4.2

Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: III  
 Nhóm đóng gói: Không cần đánh dấu là nguy hiểm cho môi trường  
 Mối nguy hiểm về môi trường:

Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng: Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

**Air transport**

IATA/ICAO

UN number or ID number: UN 3088

UN proper shipping name: SELF-HEATING SOLID, ORGANIC, N.O.S. (1-ETHENYL-2-PYRROLIDINONE, HOMOPOLYMER) 4.2

Transport hazard class(es): 4.2  
 Packing group: III  
 Environmental hazards: No Mark as dangerous for the environment is needed  
 Special precautions for user: Not dangerous goods of class 4.2 in packages up to 3000 litres capacity.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

**Thông tin bổ sung**

Không phải là hoá chất nguy hiểm nhóm 4.2 trong các thùng chứa có dung tích đến 3000 lít.

---

## 15. Thông tin về pháp luật

**Những quy định khác**

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 34/2024/ND-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
- Nghị định số 33/2024/ND-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ Quy định việc thực hiện công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 12.08.2024  
Sản phẩm: **Kollidon® 90 F**

Phiên bản: 6.0

(30034978/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 14.10.2025

Bất cứ những ứng dụng dự kiến khác nên thảo luận với nhà sản xuất. Phải tuân thủ nghiêm các biện pháp bảo vệ an toàn nghề nghiệp được khuyến cáo.

---

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.